

Bài 16: Kinh Tăng Chi (Chương 1 Pháp) - Phẩm Người Tối Thắng (tt10) | Sư Giác Nguyên giảng 07/01/18

Thưa quý vị, hôm nay chúng ta hy vọng là dứt điểm được phần phẩm Tối Thắng để ngày mai học qua chương khác. Ba chương kể chuyện này chúng tôi cũng ngại vì nhiều lý do. Thứ nhất, bà con có thể tự xem trong Chú giải Pháp Cú, đó là nguồn dễ tìm nhất. Ngoài ra còn nhiều nguồn khác, chỉ cần vào Google tìm kiếm bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Thứ hai, chúng tôi cũng nôn nóng khi giảng sâu vào phần tiếng Việt, sẽ gom những bài kinh, những chương có nội dung tương đồng trong chú giải lại thành một để giúp chúng ta theo dõi gọn hơn. Có nhiều chữ thấy giống nhau nhưng ở kinh này chú giải giải thích nghĩa này, ở kinh kia lại giải thích nghĩa khác; chỉ những trường hợp đặc biệt như vậy chúng tôi mới tách riêng, còn đa phần nếu trùng lặp thì chỉ có một kiểu chú giải thôi.

Chúng tôi mong kết thúc xong bộ Tăng Chi, mặc dù thời gian ít nhất cũng phải hai năm nữa. Bây giờ, mình học phần cuối cùng của phẩm Tối Thắng về chuyện nàng Sujata. Chuyện kể rằng từ rất lâu, ít nhất là hơn 20 năm trước khi Đức Thế Tôn thành đạo, ở gần Bồ Đề Đạo Tràng có một người con gái con nhà giàu có đi lấy chồng. Nàng có lời khấn nguyện rằng nếu nàng lấy được người chồng xứng đáng và sinh được quý tử, nàng sẽ đến gốc cây đại thụ này để trả lễ. Theo tín ngưỡng dân gian thời đó, nàng cầu tự như vậy.

Quả thật về sau, nàng lấy được người chồng rất tốt và sinh ra người con là Yasa. Nàng rất giàu có, vị công tử này cũng có ba lâu đài để hưởng lạc theo mùa: mùa nắng, mùa mưa và mùa lạnh, tương tự như Bồ Tát Tất Đạt Đa (dĩ nhiên về tầm vóc và chất lượng thì không bằng). Một hôm, nàng bỗng nhớ ra lời hứa năm xưa. Trong kinh ghi rõ, đây là một trong 30 tục lệ của chư Phật: trước khi thành đạo, Ngài phải được cúng dường một bữa ăn thật đàng hoàng. Bữa ăn ấy luôn được sửa soạn với sự hỗ trợ hết mình của chư Thiên và Phạm Thiên. Bữa ăn này đặc biệt đến mức chỉ có một nhân vật lớn như vị Bồ Tát sắp thành Phật mới có thể thọ dụng nổi.

Bữa ăn này chỉ có một nhân vật lớn như Bồ Tát sắp thành Phật mới ăn nổi thôi. Trong kinh ghi đây là món Amata, tức là thức ăn của chư Thiên, người thường ăn vào không tiêu hóa được. Nhờ bữa ăn này mà sau khi thành đạo, Ngài có thể nhịn suốt bảy tuần. Đây là những chi tiết kết hợp từ nhiều nguồn chú giải.

Lúc đó, người nấu nướng và đem cúng dường thì không biết gì hết, nhưng có sự can thiệp của chư Thiên. Họ đứng quạt lửa, che bụi, che khói. Nói chung, đó là một bữa ăn đệ nhất thực đơn trong tam giới. Chư Thiên, Phạm Thiên, Tứ Thiên Vương đều phải đứng hầu bên cạnh cái nồi, cái bếp bữa đó. Bữa ăn đó rất đặc biệt. Nói chuyện này thì hơi có vẻ phong thần, mà tôi kể nhiều quá thì sợ bà con chán, nói sao đạo gì mà phong thần quá, nên tôi cũng ngại. Tôi muốn nói về giáo lý hơn.

Nàng Sujata bữa đó tự nhiên thấy mình lấy chồng đã yên bề, sanh con cũng thông minh, tuần tú, khôi vĩ, rồi bỗng nhiên nàng chợt nhớ lại lời khấn năm nào. Tại sao nàng chợt nhớ? Chính là vì phước phận của Bồ Tát khiến như vậy, vì đó là tục lệ của chư Phật. Nàng mới kêu cô tớ gái trong nhà đi tới gốc cây năm xưa để sửa soạn, quét tước, trang hoàng để nàng qua trả lễ. Điều này mới đặc biệt, lẽ ra trả lễ thì người ta bưng hương đăng hoa quả là được rồi, đâu có ai trả lễ mà đi nấu một mâm cơm thật ngon lành như vậy. Đó là do cái phước của Bồ Tát khiến nàng làm thế.

Cô tớ gái đi tới quét dọn gốc cây thì thấy Bồ Tát ngồi đó, mặt mày sáng rỡ, đẹp lắm. Cô mới chạy về nói với nàng Sujata rằng: "Trời ơi, ông thần hiện ra ngồi chờ sẵn ở đó rồi, đẹp tuyệt vời lắm!". Nàng liền sắm sửa một mâm cơm thật tuyệt vời. Trong chú giải kể rất chi tiết về mâm cơm sửa đó, nàng nấu bằng bao nhiêu thứ sữa, hạt gạo và tất cả gia vị, hương liệu đều là thứ thượng đẳng.

Khi nàng đem đến cúng dường, Bồ Tát lúc đó không có bát. Ngài nhìn thì nàng hiểu ý ngay, nàng thưa rằng mâm bằng vàng này nàng cũng cúng luôn cho thần chứ không lấy về. Ngài mới lấy phần cơm đó vắt thành 49 vắt. Dùng xong, Ngài đi xuống sông rửa rồi thả cái mâm vàng xuống. Lúc cầm cái mâm này, Ngài suy nghĩ về đại nguyện của mình. Lúc đó nước sông chảy băng băng chứ không phải nước cạn như bây giờ.

Bên Ấn Độ hơn hai ngàn năm trước thì địa lý đã khác rồi. Ngay như mộ của cụ Nguyễn Bình Khiêm chỉ mới 500 năm mà địa thế đã thay đổi. Tương truyền cụ Nguyễn Bình Khiêm trước khi mất có dặn con cháu chôn cất, nhưng trong gia phả có ghi là vào ngày đó tháng đó, đi ra mộ của cụ, nghe ai mà chửi mình thì mời người đó về nhờ người ta cải táng giùm. Suốt mấy trăm năm như vậy, con cháu...

Cụ dặn hễ nghe ai mà chửi mình thì mời người đó về nhờ người ta cải táng giùm. Suốt mấy trăm năm như vậy, con cháu đời đời cứ ghi nhớ cái ngày đó. Đúng ngay cái ngày mà cụ dặn, đưa cháu ra ngoài mộ ẩn thân. Có ông thầy Tàu đi ngang, đứng nhìn vào mộ của Nguyễn Bình Khiêm rồi cười khẩy: Ông ơi, người ta nói ông là thánh nhân của nước Nam, biết chuyện 500 năm trước và 500 năm sau, mà trong khi hết chỗ lựa đất, ông lại lựa ngay chỗ này để táng, tức là chôn. Như vậy chưa phải là thánh nhân đâu. Trình độ địa lý này chỉ đủ để đi lừa gạt, nói dóc trong làng vậy thôi.

Đứa cháu của cụ nấp trong bụi nghe như vậy mới bò ra lạy ông và nói: Đúng rồi, cụ tổ của con có dặn ngày này tháng này sẽ có người đứng trước mộ mà chửi cụ, rồi dặn chúng con ráng làm sao rước người đó về nhờ ông cải táng giùm. Bởi vì ngày xưa lúc cụ bảo an táng thì tốt, nhưng bây giờ không tốt nữa, mà tụi cháu thì không biết chuyện gì không tốt.

Ông thầy Tàu mới nói rằng có một dòng nước lớn đang xói vào trong mộ. Thật sự ta tưởng cụ tổ không biết chuyện của mấy trăm năm sau, nhưng hồi cụ cho người trong nhà chôn cất thì chưa có dòng nước đó. Sau bao nhiêu năm tháng, vật đổi sao dời, mới xuất hiện dòng nước xoáy vào trong huyệt mộ, không tốt cho con cháu theo phong thủy. Thế là con cháu mời ông về nhà rượu thịt ê hề, rồi nhờ ông kiếm một chỗ khác để cải táng.

Tôi muốn kể cho bà con nghe một chuyện, đó là vật đổi sao dời, dâu bể, đất đá gì cũng thay đổi hết. Vị trí ngày xưa bây giờ đã khác, dòng nước của sông Hằng bây giờ cũng khác. Khi nàng Sujata cúng dường cho Bồ Tát, Bồ Tát thọ dụng xong rồi phát

nguyện: Nếu tôi sẽ thành Phật thì xin cho cái mâm vàng này trôi ngược dòng. Ai cũng biết rồi, mâm trôi ngược dòng và nghe tiếng rắc, cuối cùng Ngài thành Phật luôn.

Sau đó, Ngài mới xét thấy thanh niên Da-xá là con trai ruột của nàng Sujata, người đã cúng cơm cho mình, bây giờ đã đủ duyên chứng La-hán. Ông này đủ duyên là vì cách đây nhiều kiếp, ông từng làm người cầm đầu một nhóm thanh niên đi thu lượm, tập kết những xác chết vô thừa nhận, chết bờ chết bụi, hoặc nhà nghèo neo đơn, quạnh quẽ không ai lo. Họ lượm những xác đó về kiếm chỗ chôn hoặc thiêu, làm công tác xã hội từ thiện như vậy.

Đó là chuyện kiếp xưa. Một bữa nọ, nguyên đám anh em khoảng 50 người dắt nhau đi lượm xác đem về thiêu. Họ lượm được xác một bà chữa, tức là một thai phụ bụng to chết bờ chết bụi. Họ đem đi thiêu, trong lúc đặt lên giàn hỏa để thiêu, chộc qua chộc lại sao đó thì cái bụng nứt ra, lòi cái hài nhi trong bụng ra. Cả đám hết hồn. Dĩ nhiên bà chữa thì ai cũng biết, nhưng biết là một chuyện, còn tận mắt thấy một xác đàn bà tóc tai rũ rượi, da dẻ xanh lét, rồi bế bụng lòi ra đứa nhỏ như vậy, họ thấy cảnh đó ớn quá đi.

Người đàn bà tóc tai rũ rượi, bụng bế lòi ra một đứa nhỏ, thấy cảnh đó ớn quá nên mấy cậu này mới nhìn nhau bảo: "Thiệt chứ nếu đời sống chỉ có vậy thôi thì sống chi nữa trời." Quý vị tưởng tượng cái cảnh ở một khu hoang vắng, gió hắt bên rừng, lửa cháy hiu hắt, rồi một người đàn bà tóc xòa, bụng dạ tay chân như vậy, lòi cả đứa con nít ra. Lần đầu tiên thấy cảnh này họ ngán quá, hình ảnh đó gây sốc dữ lắm.

Nói thêm là nhóm này trong quá khứ đã nhiều lần có lòng sợ luân hồi, đã từng gieo trồng hạt giống Bồ-đề, duyên lành giác ngộ với nhiều đức Phật. Cho nên hôm nay gặp cảnh như vậy, họ sốc dữ lắm. Tôi nhắc lại lần nữa, nghe pháp cho nó "ớn", học đạo cho nó "ớn", cộng với các Ba-la-mật bố thí, trì giới này nữa thì trước sau sớm muộn gì đủ duyên mình cũng chứng đắc.

Như nhóm anh em này, làm phước từ thiện xong rồi chết, cũng có người đi về các phương. Đến kiếp cuối cùng, khi Đức Phật ra đời thành đạo, độ sinh, chuyển pháp luân thì đám mấy chục anh em ngày xưa bây giờ sanh lại ở chung một làng, cũng lập thành một nhóm. Họ đều là con nhà giàu, cứ quần quanh tiệc tùng, hết sinh nhật người này đến sinh nhật người kia, rồi đầy tháng, bất cứ dịp gì cũng làm tiệc.

Bữa đó tiệc tùng xong xuôi, ai về nhà nấy. Riêng công tử Da-xá đêm đó ở lại nhà mình. Nửa đêm chàng thức dậy, bước qua căn phòng tiệc tùng hồi tối, nhìn thấy mấy cô nàng hồi hôm phấn son, mỹ phẩm, hương liệu thơm ngát bao nhiêu, bây giờ về khuya đồ ăn uống bày biện bừa bãi. Các nàng thì kẻ nằm nghiêng, nằm ngửa, nằm sấp, nằm úp, rồi nghiêng răng, trợn mắt, chảy nước miếng tùm lum. Nhìn cái cảnh đó, tự nhiên hạt giống Bồ-đề ngày xưa sống dậy, đúng thời điểm nó chín muồi, khiến công tử Da-xá thấy cảnh này giống như một bãi tha ma, chỗ người ta quăng xác, giống quá đi.

Chàng không còn tâm trí đâu mà ở nhà nữa, mới bỏ hết tất cả. Giữa đêm, chàng chỉ kịp mang đôi dép được kết bằng những sợi chỉ vàng cán mỏng. Chàng đi mà than rằng: "Trời ơi, sao mà thế giới này ngọt ngào quá, cuộc đời này quần bách quá! Còn chỗ nào để mình đi nữa không?"

Đang đi như vậy, chàng nghe có tiếng gọi: "Da-xá, hãy tới đây, ở đây không có ngọt ngào, không có quần bách." Nghe có người gọi đúng tên mình, lại nói đúng tâm sự của mình, chàng mừng quá, đi thẳng về phía tiếng gọi. Vì lòng tôn kính bậc Đạo sư, chàng tháo dép bỏ bên ngoài, đi chân không vào gặp Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho chàng nghe. Sáng hôm sau, cả nhà nháo nhào đi tìm thì thấy đôi dép để đó.

Khi ngài thuyết cho ngài Yasa đắc đạo, sáng hôm sau cả nhà đi tìm. Đi tìm thì thấy đôi dép, thấy đôi dép là biết chàng vẫn quanh đây chứ không đi đâu hết, vì đôi dép này trong làng không giống ai cả. Nếu mà chàng mang dép lòn thì có lẽ gia đình cũng chưa xác định được, vì trong làng biết bao nhiêu người mang dép lòn. Nhưng đặc biệt

đôi dép loại này, đại khái là thấy đôi dép là biết người nhà mình rồi chứ không có ai khác.

Cho nên họ mới vào gặp Phật. Lúc đó Đức Phật mới chú nguyện xin cho họ tạm thời không thấy nhau. Bởi vì nếu họ thấy nhau, cái cảm xúc phiền não, một là giận dữ, hai là mừng thương khi gặp lại người mình tưởng đã mất tích hay gặp nạn, nói chung là những thứ cảm xúc không nên có trong lúc này. Ngài biết tất cả những người này chỉ còn một chút nữa là đắc Thánh thôi, không nên để tâm lý xáo trộn. Cho nên Ngài mới chú nguyện cho họ đừng thấy nhau, dù lúc đó ngài Yasa đang ngồi ngay với Đức Phật.

Sau một thời pháp, bản thân ngài Yasa đắc quả, còn mẹ của ngài là bà Sujata và vợ của ngài cũng chứng đắc Tu-đà-hoàn. Tất cả là thánh nhân một nhà rồi, lúc đó Ngài mới thu hồi thần lực để cho họ thấy nhau. Khi thấy nhau, mẹ và vợ của ngài Yasa nhìn ngài với cảm xúc của một người cư sĩ nhìn bậc Thánh chứ không còn thân thiết theo kiểu thường tình nữa. Họ biết đây là bậc phi thường, vì từ hồi tối tới bây giờ mà đã y áo trang nghiêm, ngồi tĩnh tại như vậy thì chắc chắn là Thánh chứ không phải phàm phu.

Về nàng Sujata, nàng có hai điểm đặc biệt. Một là nàng đã có công trạng cúng dường bữa ăn cuối cùng cho Bồ Tát trước khi thành Phật. Nhờ bữa ăn của nàng, được chuẩn bị đàng hoàng, toàn thực phẩm sạch, nguyên liệu sạch, không độc hại, đã hỗ trợ cho Ngài có sức khỏe trong suốt 49 ngày. Thức ăn phải ở tầm đó, chứ còn tầm như bây giờ, toàn bột ngọt, đường hóa học, muối diêm, bắp luộc bằng pin, mấy cái đó mà cúng dường cho các bậc đại nhân thì ăn vào chỉ thấy mệt chứ đắc gì nổi. Nàng cũng chính là nữ cư sĩ đầu tiên, người mở đường cho hàng cư sĩ.

Tiếp theo là chuyện nàng Visakha. Ngày xưa nàng cũng phải tu tập suốt 100.000 đại kiếp. Những vị trí đặc biệt đều phải trải qua trăm ngàn đại kiếp hết. Vị trí của nàng gọi là Dayika, có nghĩa là nữ thí chủ. Nàng đã phát nguyện dưới chân Đức Phật. Đến thời Đức Phật Ca Diếp, nàng là một trong bảy chị em công chúa, con gái của vua

Kiki xứ Kasi. Tên cũ của bà lúc đó là Sanghadasi. Bà tiếp tục tu hành, làm phước, hộ pháp hộ tăng cho đến đời Đức Phật Thích Ca.

Tên cũ của bà là gì, quý vị nhớ nha. Bà tiếp tục tu hành, làm phước, hộ pháp, hộ tăng. Đến đời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nàng sanh vào làm con gái của một vị triệu phú. Lớn lên, mới 7 tuổi nàng đã đi chùa nghe pháp.

Bây giờ mình tìm hiểu về cái tên này. Visakha có nghĩa là gì? "Vi" (Visesa) có nghĩa là đặc biệt, xuất sắc hơn thường. "Sakha" hay "Deha" tức là thân thể. Visakha có nghĩa là người có thân thể đẹp hơn người thường. Đẹp ở đây là từ tay chân đến mặt mũi, tức là người có thân thể xinh đẹp tuyệt trần.

Ông ngoại của nàng giàu dữ lắm, muốn gì được nấy, có phước đức đặc biệt lắm. Năm 7 tuổi, nàng đi chùa nghe pháp và chứng sơ quả. Lớn lên, nàng lấy chồng đại gia. Áo cưới của nàng nặng cả trăm ký, người thường phải năm bảy người gánh mới nổi, nhưng nàng thì mạnh như voi nên mặc được. Bộ áo cưới đó toàn bằng vàng và bảo thạch. Nàng mạnh lắm, có lần vua thả một con voi ra thử, nàng lấy tay bấm một cái là nó quy xuống. Nàng nắm lấy vòi của nó, các vị có thể xem thêm chuyện này.

Lúc nàng còn con gái, có một lần nàng đi chung với đám người hầu thì trời đổ mưa. Những người hầu trước đây luôn đi sau lưng cầm quạt, cầm dù, mang mỹ phẩm nữ trang theo hầu, nhưng khi mưa xuống thì cả đám mạnh ai nấy chạy. Họ tưởng nàng cũng sẽ chạy theo, nhưng nàng vẫn thông thả, từ từ đi vào.

Lúc vào được chỗ trú mưa, có mấy ông Bà-la-môn mặt mày nghiêm nghị, ăn nói đĩnh đạc, tiến tới hỏi nàng: "Tại sao mưa như vậy mà cô không chạy cái rẹt vào nhà cho khỏi ướt, khỏi bệnh, mà lại đi kiêu rà rê cho ướt người như thế?".

Nàng mới nói: "Vua mà hối hả thì mất đi phong cách. Ngựa mà luông tuông thì mất hết oai. Sa-môn mà hấp tấp thì khó xem. Nữ nhân mà chạy nhảy ngoài đường thì ai coi cho được? Vua phải có phong cách của vua. Con voi mà chạy cuống cuồng thì

không còn phong độ của voi. Sa-môn mà lừng xằng hấp tấp thì không còn cái phong thái của Sa-môn. Phụ nữ mà lừng xằng chạy nhảy ngoài đường nhìn không có được."

Các ông Bà-la-môn nghe vậy thì thích lắm. Họ nói: "Chúng tôi không phải ngẫu nhiên mà tò mò đâu. Chúng tôi cũng muốn biết dụng ý của cô, muốn nghe cô giải thích tại sao. Chúng tôi đang đi tìm một nhân duyên thích hợp cho công tử của chúng tôi. Công tử của chúng tôi là đại gia, giàu lắm, mà cứ tìm hoài, có người đẹp người nhưng không đẹp nết."

Vị công tử này là đại gia của đại gia, giàu lắm, cứ tìm hoài. Người thì đẹp người nhưng không đẹp nết, người đẹp nết thì không đẹp người. Cứ tìm mãi mà không thấy. Bữa nay mới đúng là gặp được cô vừa đẹp người vừa đẹp nết. Trong kinh kể rõ là cô đẹp lắm, tóc đẹp, da đẹp, răng đẹp, dáng đi hoàn hảo. Mới cưới nàng về, mà xui cho nàng là bên nhà chồng không biết đạo gì hết trơn.

Bây giờ tôi kể cho bà con nghe mới thấy ớn. Tôi sợ kể chuyện mình đi vô chùa học rộng giáo lý mà giờ đang giảng bên đây không kể sao được. Nàng lấy chồng nhằm gia đình tà kiến ngoại đạo, thờ mấy ông lố thể. Họ không mặc gì hết, cứ lấy phân bò trét lên người vậy đó thay vì mặc quần áo. Nàng khó chịu lắm. Nàng là một vị thánh cư sĩ Tu-đà-hoàn mà đi lấy chồng, xuất giá tòng phu, buồn lắm. Chuyện này nó dài thăm thẳm.

Có một buổi sáng, nàng đang hầu cha chồng ăn sáng thì có vị Tỳ-kheo đi ngang khát thực. Nàng thấy khổ rồi, nếu vị đó đi ngang nhà mà nàng không cúng dường được thức ăn thì thật đáng tiếc. Nhưng bây giờ đi lấy chồng, gia đình chồng tào lao quá, làm sao mà cúng được. Nàng mới nói khẽ thôi, khi đang đứng quạt hầu cha chồng ăn sáng, nàng bước ra thưa: Thưa Ngài, bố của con đang ăn đồ cũ, xin Ngài đi khát thực ở cái nhà kế bên giùm. Bố con đang ăn đồ cũ, không có gì để cúng.

Nghe như vậy, ông cha chồng nổi điên lên. Ông kêu nàng hỏi: Nhà này mặt mũi ở đâu mà con đi nói với người ta là bố ăn đồ thiêu đồ cũ? Nàng mới nói: Thưa bố, ý con

nói là bố đang hưởng phước xưa thôi, chứ còn cái phước cho đời sau kiếp khác là bố không có tạo. Lúc nàng nói như vậy, ông cha chồng nghe không hiểu. Ý nàng là bố đang ăn đồ cũ, nghĩa là bố hưởng phước cũ thôi chứ phước mới bố không chịu tạo thêm.

Ông mới nổi giận lên, mời gia trưởng bên nhà nàng tới để gây gổ rồi đòi trả nàng về. Khi người lớn hai bên tới, ông mới đem từng chuyện ra hỏi để nàng giải thích. Ông còn hỏi cô dâu: Nàng là thiếu phụ khuê môn mà đêm hôm nàng với mấy con hầu đốt đèn đi ra ngoài vườn sau làm cái gì? Ông bực lắm mà chưa có hỏi.

Nàng thưa rằng: Đêm đó tụi nhỏ vô báo có con lừa đặng sau nhà đang chuyển dạ sinh con, mà nó sinh khó quá, cứ kêu khóc suốt đêm. Tụi người hầu vô nói với con, con nghĩ chắc mình giúp được chút ít nên mới ra đỡ cho nó. Cuối cùng nó cũng mẹ tròn con vuông. Đó là lý do tại sao đêm hôm tụi con phải ra phía sau nhà. Con không muốn làm kinh động người lớn trong nhà nên âm thầm giải quyết, xong là thôi, coi như không có gì.

Nàng giải thích từ từ hết những hiểu lầm của ông bên nhà chồng. Nàng nói tiếp: Bây giờ con nói xong rồi. Con không phải là hạng người không được giáo dưỡng. Bố hỏi thì con trả lời cho bố nghe. Nhưng con nghĩ nhân duyên đã đoạn rồi, nếu bố không coi trọng nàng dâu này thì con cũng không có lý do gì ở đây hết, giờ con xin đi. Ông cha chồng mới nói: Không, không, không...

Nàng dâu này cũng không có lý do gì ở đây hết, giờ mình sẽ đi rồi. Nàng nói rõ như vậy là được rồi. Bây giờ con muốn gì trong cái này cũng được. Nàng mới nói: Con là dâu con trong nhà thôi, con là kẻ dưới mà, làm sao con dám trách lỗi bố. Nhưng con chỉ xin, nếu bố muốn thương con thì cho con được một lần thỉnh Phật và Chư tăng về nhà cúng dường, một lần thôi cũng được.

Ông bố dĩ nhiên đồng ý. Khi Đức Phật về thuyết pháp, ông bố rình bên trong nghe và đặc quả Tu-đà-hoàn. Khi ông bố đặc quả rồi thì quý vị biết là từ đó về sau ông hết

lòng hỗ trợ. Ông cứ đi đâu cũng nói với người ta là Visakha không còn là dâu bình thường nữa, mà là người mẹ trong đạo của ông. Từ đó nàng có ngoại hiệu là Migaramata, có nghĩa là mẹ của ông Migara.

Chưa hết, còn chuyện nữa. Bữa đó nàng đi chùa, nàng mặc cái áo cưới. Cái áo đó đẹp quá cho nên cưới xong là nàng mặc luôn. Bữa nào đi đâu mà muốn diện một chút thì nàng khoác cái áo đó vô. Vì lòng tôn kính Thế Tôn, trước khi vào gặp Ngài, nàng tháo cái áo ra giao cho người hầu ôm giữ, rồi nàng vào lạy Phật nghe pháp.

Lúc về, cô hầu lơ đãng quên mất cái áo. Nàng mới nói: Khoan, nếu người trở vào mà cái áo chưa có Chư tăng đụng tới thì mình lấy. Còn nếu đã có bàn tay của Chư tăng chạm vào rồi thì ta không dám mặc cái áo đó nữa. Quý vị thấy dễ sợ chưa? Bởi vì cái áo đó chạm vào thân thể của nàng, mà nếu có vị sư nào đã chạm vào thì mỗi lần mặc, nàng lại nghĩ đến chuyện Chư tăng đã chạm tay vào áo mình. Đó là chuyện ngày xưa, vì lúc đó là bậc Thánh nên rất cẩn trọng. Thời nay quý vị bỏ quên cái giờ hiệu hay cái đồng hồ Rolex mà không thèm lấy lại thì khác.

Cô hầu chạy vào rồi chạy ra nói rằng Ngài Ananda đã chạm tay vào cái áo rồi. Cho nên bây giờ nàng chỉ còn cách là bán để cúng chùa chứ không xài tiền đó nữa. Nhưng không ai mua nổi cái áo vì nó quá đắt. Có người thích thì không có tiền, người có tiền thì mặc không nổi, mặc vào giống như con chim sẻ đeo mai rùa vậy. Cuối cùng, nàng tự bỏ tiền ra mua lại cái áo đó, rồi dùng 9 triệu đồng tiền vàng để cất ngôi chùa gọi là chùa Đông Phương Pubbarama, trong đó có ngôi lầu tên là Migaramatupasada, tức là lấy tên của nàng đặt cho ngôi lầu đó.

Ngôi lầu tên là Migāramātupāsāda, tức là lấy tên của con trai chồng ghép với chữ Pāsāda nghĩa là lâu đài hay ngôi lầu. Tên bà Visākha bây giờ được xem là đồng nghĩa với Migāramātū rồi. Trong ngôi chùa này có hai tầng lầu với 500 phòng. Mỗi ngày, hễ Đức Thế Tôn nghỉ đêm bên chỗ Cấp Cô Độc thì Ngài sẽ về nghỉ trưa ở đây. Còn bữa nào Ngài nghỉ đêm ở đây thì Ngài sẽ về nghỉ trưa bên chùa Kỳ Viên. Đặc biệt như vậy.

Bà Visākha cả đời làm phước và sống rất thọ, đến 120 tuổi. Trong kinh ghi rằng bà đẹp bền vững. Người ta đẹp ngắn hạn, còn bà là dạng đẹp bền vững. Đến năm 120 tuổi, nếu chỉ nhìn bằng mắt thì khó phân biệt bà với đám cháu chắt. Người ta chỉ biết bà già khi bà đang ngồi rồi đứng lên, lấy hai tay chống đầu gối thì mới biết đó là cụ cố nhà mình. Chứ nếu bà ngồi yên trên ghế, không nhúc nhích thì đám cháu ngồi kế bên, nhìn vào không biết ai là bà, ai là cụ tổ, cụ cố, ai là đám cháu cố, cháu sơ. Bà đẹp đến mức như vậy. Chỉ có một cách nhận ra là khi bà đứng dậy, lấy hai tay chống đầu gối thì mới biết đó là bà. Bà là biểu tượng của thẩm mỹ, phải lấy hình ảnh của bà mới thấy đẹp.

Bà được xem là đệ nhất thí chủ bởi vì cả đời cúng dường không mệt mỏi. Bà rất giàu và cuộc đời có nhiều điều đặc biệt. Ví dụ trong giáo hội có chuyện gì liên quan đến phụ nữ, những việc cần làm việc riêng với nữ giới thì Chư tăng giao phó cho bà. Thời đó tín nữ rất nhiều và bà được Đức Phật xác nhận là hàng đệ tử ưu tú. Trong luật có kể văn tắt nhiều chuyện, như có vị tỳ kheo bị bệnh cần sự giúp đỡ bà cũng giúp, hay có người có chữa có mang cũng nhờ bà giúp. Vì vậy bà được xem là đệ nhất thí chủ.

NỮ CƯ SĨ KHUJUTTARA

Bây giờ mình kể sang chuyện khác, đó là chuyện về vị đệ nhất đa văn. Đó là một người tín nữ cực kỳ thông minh, nghe qua một lần là nhớ. Chuyện của nàng Khujjuttarā gắn liền với vị triệu phú, hoàng hậu Sāmāvatī, hoàng hậu Māgandiyā và vua Udena. Quý vị có thể xem trong chú giải Pháp Cú. Nàng cũng tu tập thời gian dài, nhiều đời nhiều kiếp sung sướng không thiếu phước báu. Nhưng vì một ác nghiệp nào đó mà nàng phải làm thân phận người hầu cho hoàng hậu. Mỗi ngày hoàng hậu phát cho nàng 8 đồng vàng để đi mua hoa tươi. Nàng chỉ mua 4 đồng, còn giấu lại 4 đồng suốt một thời gian dài. Bữa đó, trên đường đi mua hoa, ông chủ tiệm hoa là một người Phật tử nói bữa nay không ...

Nàng đi mua hoa. Ông chủ tiệm hoa là một người Phật tử, ông nói hôm nay không có hoa là bởi vì ông bận đi cúng dường và nghe Pháp. Nàng đi cùng và nghe Pháp, rồi

chứng đắc Sơ quả.

Từ khi nàng về, vì đã là vị Thánh nên nàng mua đủ tám đồng hoa. Mọi khi nàng chỉ mua bốn đồng, giữ lại bốn đồng, nhưng hôm nay nàng mua hết tám đồng nên số hoa nhiều gấp đôi. Hoàng hậu Samavati hỏi: "Sao hôm nay hoa nhiều gấp đôi vậy? Vua cho tiền nhiều hơn hay là hoa rẻ hơn mà em mua về số lượng lớn như thế?"

Nàng mới thưa: "Tâu Hoàng hậu, mọi khi em chỉ mua có bốn đồng thôi, tức là một nửa số tiền Hoàng hậu giao, nhưng hôm nay em mua hết." Hoàng hậu thấy lạ ở hai chuyện: thứ nhất là tại sao nàng dám đem chuyện đó ra khai thật, thứ hai là vì lý do nào mà hôm nay nàng thay đổi lớn như vậy.

Nàng mới nói rằng: "Em đi nghe Pháp, em không còn là em trước đây nữa." Hoàng hậu nghe vậy mới tò mò: "Em hãy thuyết Pháp cho ta nghe đi." Nàng thưa: "Giáo Pháp này không thể nghe theo kiểu kêu người ta hát thì hát, kêu người ta múa là múa. Chánh Pháp này rất đặc biệt, tâu Hoàng hậu. Mọi khi Người là chủ của em, lúc nào cũng ăn trên ngai trước, nhưng khi em thuyết Pháp thì Hoàng hậu phải để em ngồi lên cái ghế cao hơn một chút."

Trong kinh nói, tuy nàng chỉ chứng Sơ quả nhưng lại đắc được bốn trí vô ngại. Thế là nàng thuyết Pháp. Sau khi nàng thuyết xong, Hoàng hậu Samavati và nguyên cả 500 cô cung nữ đều đắc quả Tu-đà-hoàn. Các vị tướng tượng xem, một cô cung nữ thuyết Pháp mà độ được cho Hoàng hậu và 500 người khác đắc quả, tất cả đều trở thành những vị Thánh cư sĩ, là đệ tử của nàng.

Nàng này tên là Khujjuttara. "Khujja" có nghĩa là gù lưng, cộng với "Uttara" nghĩa là hơn người, tối thượng. Tại sao nàng bị gù? Là bởi vì trong một kiếp luân hồi quá khứ, nàng từng là một người con gái có đạo tâm, hộ trì cho các vị Phật Độc Giác trên núi. Phật Độc Giác là những vị tự giác ngộ thành Phật, nhưng trên không có thầy và dưới không có trò. Cúng dường, hộ độ cho các vị này phước báo rất lớn.

Nàng hộ trì các vị trên núi cùng với nhóm bạn của mình. Một hôm, mấy người bạn mới hỏi: "Ở đây ai cũng có sư phụ hết, vậy sư phụ của bạn là ai?" Cô này mới nói: "Có chứ, trong số các vị đó có một vị tôi thương lắm, thấy rất hợp. Ngài lúc nào cũng từ bi và đặc biệt là tôi có duyên với ngài lắm." Mấy cô bạn mới hỏi trong mấy chục, mấy trăm vị đó là vị nào. Cô này mới tả: "Thầy của tôi cái lưng như thế này nè." Cô vừa tả, vừa làm bộ cái lưng gù. Thế là nguyên một nhóm mấy trăm người nhìn theo ông nào có lưng gù...

Biết tả đó mới tả đây: "Sư phụ của tao cái lưng vậy nè". Nguyên một nhóm mấy trăm vị đi xuống, ông nào có cái lưng như vậy đó là sư phụ tao. Bà nói đùa đó, bà đem vị Thánh ra đùa, mà đây là một vị Phật Độc Giác. Bà đùa vì bà thương Ngài, quý Ngài, kính Ngài, nhưng trong lúc diễn tả bà có cái khinh suất. Cho nên đời đời sinh ra, nàng bị gù lưng. Khiếp chưa? Chỉ diễn tả thôi đó.

Còn vì đâu mà một người tu Ba-la-mật suốt 100.000 đại kiếp mà cứ đời đời đẻ ra là làm kẻ hầu nô bộc, người hạ thuộc, không ngóc đầu lên làm chủ ngày nào hết? Là bởi vì trong 100.000 đại kiếp đó, hầu hết thời gian nàng cũng ngon lành như ai, nhưng từ đời Phật Ca Diếp đến đời Đức Phật Thích Ca, nàng thường xuyên làm kẻ hầu người hạ cho người khác.

Trong kinh kể rằng, vào đời Đức Phật Ca Diếp, nàng là một tiểu thư triệu phú. Nàng có người bạn cũng ngon lành như nàng, nhưng người bạn đó đã đi xuất gia và đắc quả A-la-hán. Một hôm, cô này sai vị Thánh đó lấy giùm hộp đồ trang điểm. Rõ ràng ở đây là cô đang sai biểu một vị A-la-hán. Vị Thánh này suy nghĩ rất nhanh: "Nếu mình không lấy giùm, cố nói mình là bạn cũ mà bây giờ đi xuất gia rồi chẳng, cố sẽ tạo trọng nghiệp. Còn nếu mình lấy giùm cố, thì bất quá cố chỉ chịu nghiệp làm nô lệ đầy tớ thôi". Vị đó suy nghĩ như vậy nên đưa tay lấy cái hộp đưa cho cô bạn mình. Vì cái nghiệp sai biểu một vị Thánh như vậy, nên từ đó hễ sanh ra mang thân thú, thân chim thì thôi, chứ hễ mang thân người là nàng phải chịu 500 kiếp làm nô lệ, làm kẻ hầu cho người khác.

Bây giờ qua cái thứ ba: Tại sao nàng là bậc đại trí? 100.000 đại kiếp về trước, nàng từng quỳ dưới chân một vị Phật và nguyện: "Sau này gặp một vị Phật tương lai, con sẽ trở thành một tín nữ đệ nhất đa văn". Có nghĩa là trong hàng tín nữ, trong đám người có tóc, không có ai uyên thâm và bác học bằng nàng hết. Nàng chỉ thua người không tóc thôi, chứ không ai hơn được nàng về sự đa văn Phật pháp.

Khi nàng nguyện như vậy, đời đời kiếp kiếp nàng luôn có dịp để học, có dịp để hỏi. Học không biết mỏi và hỏi không biết mệt. Phải học không mỏi, hỏi không mệt mới đa văn đại trí được. Nàng rất tinh ý, hiểu học, lại sống tinh tế, tâm lý, hiểu lòng người, biết chuyện để liệu sự hợp lý. Đây là những đặc điểm của một người muốn sinh ra có trí tuệ. Phải sống tinh tế, tâm lý để hiểu lòng người, biết chuyện để liệu sự hợp lý, giống như Ngài Xá Lợi Phất vậy đó. Chứ không phải chỉ học giỏi, siêng học, hiểu học mà sống hời hợt.

Ý đó là như vậy, chứ không phải chỉ học giỏi, siêng học mà sống bất kể trời đất thì tào lao. Chữ Trí trong đạo Phật, ngoài chuyện hiểu học, đa văn, siêng học, siêng hỏi, còn phải sống một cách có trí tuệ nữa. Sống có trí tuệ thì mới có trí tuệ, chỉ hiểu học thôi thì không đủ, mà phải sống với trí tuệ mới được.

Trong một kiếp, nàng Khujjuttara phục vụ, hộ trì các vị Phật Độc Giác. Bữa đó, bà con đem thức ăn, cơm cháo, bánh trái nóng hổi đổ vào bát. Nàng thấy các vị đứng chú nguyện, nhưng khi chú nguyện, các ngài cứ lấy tay xoay bình bát vì thức ăn nóng quá. Nàng nghĩ: "Sao mọi người khờ quá, lại đi đổ đồ nóng vào bát của các sư phụ như vậy?". Nàng mới chạy vào lấy tám chiếc vòng bằng ngà voi đưa ra: "Bạch các ngài, con xin cúng dường những chiếc vòng này để các ngài lót dưới bát cho đỡ nóng".

Lúc cúng dường, nàng nguyện rằng: "Hôm nay con hiểu ý của các ngài, con tinh tế chia sẻ nỗi khó khăn này, mong cho đời sau sinh ra lúc nào con cũng sáng dạ hơn người". Nhờ cái phước trải lòng chia sẻ khó khăn đó mà đời đời sinh ra nàng thông minh, sáng dạ hơn người.

Đến thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nàng sinh ra trong gia cảnh khó khăn, đi làm tỳ nữ cho người ta nhưng rất thông minh, sắc sảo. Còn việc nàng bị gù thì hồi nãy đã kể rồi. Quý vị tưởng tượng đi, nàng về thuyết pháp mà độ được cho hoàng hậu và năm trăm cung nữ đặc quả Tu-đà-hoàn. Quý vị tưởng tượng cái vị trí của nàng từ đó về sau lớn cỡ nào, hoàng hậu tôn trọng nàng lắm.

Nàng được xác nhận là đệ nhất đa văn. Các vị xem trong Kinh tạng, các bộ Trường bộ, Trung bộ, Tương ưng thường bắt đầu bằng câu "Evam me sutam" (Tôi nghe như vậy) là lời của ngài Ananda. Riêng trong Tiểu bộ kinh, phần Itivuttaka, bắt đầu bằng câu: "Vuttam hetam Bhagavata" (Pháp thoại này đã được Thế Tôn thuyết giảng như sau). Đây là lời của nàng Khujjuttara.

Các vị tưởng tượng, một cô cung nữ gù, không phải nhân vật ghê gớm gì trong xã hội, vậy mà có một vị trí cực kỳ quan trọng. Có thể nói nàng có một chỗ đứng tuy khiêm tốn nhưng ngang hàng với ngài Ananda trong việc trùng tuyên lại lời Phật. Đời đời kiếp kiếp, ngày nào Tam Tạng còn lưu truyền ở đời, câu "Vuttam hetam" còn được biết tới, thì thử hỏi vị trí của người đó như thế nào.

Tiếp, ngày nào Tam Tạng còn được lưu truyền ở đời, vị trí của người cung nữ ấy có nhỏ lắm không? Bạn nhớ nhé, điều này quan trọng lắm. Trong đời không có ai nhỏ, không có ai lớn, không có ai sang, không có ai hèn. Vấn đề là ta đã làm gì, ta đã sống ra sao và ta đã để lại gì cho đời.

Quý vị có là ông Tư, bà Tám đi nữa thì cũng không là gì hết nếu mình không có đóng góp. Tôi nói huych toẹt luôn, ví dụ như gia tộc của Công tử Bạc Liêu ở miền Tây, ông Bạch Thái Bưởi ở ngoài Bắc, gia đình ông Huyện Sỹ ở Sài Gòn, hay cha của bà Nam Phương hoàng hậu. Họ chết rồi để lại cái gì cho đời sau? Nói đến Công tử Bạc Liêu là nói đến sự xài sang. Ông Bạch Thái Bưởi từng có tuyến tàu thủy vận tải, rồi cũng hết. Ông Huyện Sỹ chết đi để lại nhà thờ ở Quận 1. Cha của bà Nam Phương cũng giàu, bây giờ có cái mộ đẹp ở Đà Lạt. Coi như tất cả đều đi vào bóng đêm của lịch sử.

Cái quan trọng nhất là người ta đi rồi để lại cái gì, như Trương Vĩnh Ký hay Bác vật Lang. Họ cũng có một vai trò lớn như vậy trong giáo pháp này.

NỮ CU' SĨ SAMNVATI

Tiếp theo, chúng ta tìm hiểu thêm một người nữa là nàng Samavati. Hoàng hậu Samavati là vợ của vua Udena. Cái cô này giờ mình học, Khujjuttara, là đệ nhất đa văn, còn bà hoàng hậu này là đệ nhất từ tâm. Vua Udena có nhiều vợ, đặc biệt là có hai bà hoàng hậu: Magandiya và Samavati. Samavati ngày xưa vốn là một tiểu thư con nhà triệu phú, đẹp lộng lẫy.

Có một lần, Đức Thế Tôn đi ngang ngôi làng của nàng. Với trí Đăng Giác, Ngài biết rõ chuyện gì sẽ xảy ra. Ngài biết trong ngôi làng này có một cặp vợ chồng triệu phú đủ duyên chứng A-na-hàm, cho nên Ngài cố ý ở ngay bờ sông, để lại dấu chân rồi đi vào gốc cây ngồi thiền. Lúc Ngài đang đi bên bờ sông, có ông kia thấy Ngài có các tướng tốt của một bậc vĩ nhân. Ông nghĩ trên đời này chỉ có một người như vậy, là người đứng trên đầu thiên hạ, tầm vóc vũ trụ chứ không phải quốc gia.

Ông mới nói: Ngài chờ tôi nhé. Tại vì ông có cô con gái đẹp lắm, ông muốn đem gả cho Ngài. Ngài là tu sĩ hay là gì cũng được, miễn có tướng đó là ông ưng ngay. Ông chạy miết về nhà kêu bà vợ: Bữa nay tôi đã gặp được rể quý rồi, rể này sang trọng lắm. Bà kêu con ra trang điểm đi, tôi dắt ra giao thẳng cho người ta luôn. Coi như mình sắp sửa một bước lên mây, rể này tầm vóc vũ trụ chứ không phải thứ tào lao. Ông dắt con ra tìm Ngài nhưng không thấy đâu, chỉ thấy bên bờ sông có dấu chân Ngài để lại. Nhìn dấu chân đó, bà vợ nói: Ông ơi không được rồi, con người sở hữu ...

Thấy bên bờ sông có dấu chân của Ngài để lại, nhìn dấu chân đó, ông nói: "Ông ơi, không được rồi, cái con người mà sở hữu dấu chân này thì không phải hạng thường". Ông muốn thì tôi cho gặp, đi gặp cho ông vui. Khi hai vợ chồng gặp Ngài, Ngài chỉ nói có mấy câu.

Nhưng trước khi họ đặc quả, cô Magandiya đi ra. Ngài nói rằng: "Năm xưa dưới gốc Bồ Đề, ba nàng con gái của Ma Vương còn chưa làm cho Như Lai rung động, thì xá gì một tấm thân bất tịnh như thế này". Ngài gọi đó là tấm thân đầy phân và nước tiểu.

Hai ông bà nghe xong thì đặc quả, nhưng cô con gái thì hận. Cố nghĩ: "Chê thì không thích thì thôi, tại sao phải nói huých toẹt ra làm cái gì?". Bà Magandiya nhìn Ngài là bà đã thương rồi, nhưng không ngờ thương càng sâu thì hận càng dễ sợ. Bà thề với lòng rằng hôm nay Ngài đã chối từ bà như vậy, thì mai này khi có đủ điều kiện, bà sẽ trả món thù này cả vốn lẫn lời. Lời này là lời gấp tám lần luôn chứ không phải một hai phần đâu, coi như lãi suất cao nhất hành tinh.

Đúng như vậy, về sau với nhan sắc của nàng, vua Udena nhìn thấy một cái là mê mết, rước nàng về dinh. Khi đã là hoàng hậu rồi, nàng cho người dò la tin tức xem Thế Tôn đang ở đâu và tìm đủ cách để hạ nhục, phỉ báng Ngài cho bẩn thỉu. Đúng như nàng mơ ước, có một ngày Đức Thế Tôn và ngài A Nan đi đến xứ Kosambi để khát thực. Nàng mới thuê người đi theo rửa sả, hăm dọa đủ điều.

Ngài A Nan bạch: "Bạch Thế Tôn, bây giờ người ta như vậy thì chắc mình phải đi nơi khác, chứ ở đây đi khát thực không được, người ta phạm thượng với Thế Tôn". Đức Phật biết ai là người bày ra chuyện này, chứ dân chúng đâu có thù oán gì Ngài. Ngài nói: "A Nan ơi, chuyện này sẽ kết thúc trong vòng bảy ngày. Với oai lực và phước báu của Như Lai, chỉ bảy hôm là kết thúc".

Ngài A Nan hỏi: "Bây giờ mình đi đâu?". Ngài nói: "Nếu đi chỗ khác mà vẫn tiếp tục như vậy thì mình sẽ đi đâu?". Ngài A Nan thưa: "Dạ, mình lại tiếp tục đi chỗ khác". Ngài nói: "Chuyện xảy ra ở đâu thì phải giải quyết ở đó, chứ không thể nào giải quyết bằng cách trốn chạy". Đúng như vậy, sau bảy ngày, thấy chửi bới không có xi nhê gì hết, họ cũng nản và rút lui hết.

Giọng nói của Ngài làm cho người ta nhún lòng, không còn gan làm gì nữa. Magandiya nghĩ: "Sư phụ thì mình không tấn công được, thôi bây giờ mình tấn công

đệ tử". Đệ tử đó là ai? Là hoàng hậu Samavati. Thế là nàng tìm mọi cách để hại Samavati. Chẳng hạn như nàng biết Samavati không có sát sanh, nên nàng nói với vua: "Từ ngày bà này biết ông Sa-môn Cồ-đàm, bà chỉ nhắc tới ông sư phụ của bà thôi, không còn coi bệ hạ ra một cái gram nào hết. Thiếp thấy mà thiếp còn giận thay, hoàng thượng không tưởng tượng được trên đời có người không biết điều như vậy, sống quá tệ, chồng mình mà coi không ra gì".

Tưởng tượng trên đời có một người không biết điều, sống như vậy quá tệ. Chồng mình mà mình coi không ra gì, nói đủ điều hết. Vua cũng là một Phật tử, cho nên nghĩ đệ tử tôn kính sư phụ là đúng rồi. Bữa đó, nàng bày vẽ thêm để chứng minh cho bệ hạ coi. Nàng cho người xách mấy con gà sống, gà còn kêu quác quác, còn nhúc nhích, còn chạy nhảy được tới giao cho bên kia. Nàng nói rằng vua rất muốn ăn một bữa cơm có thịt gà, càng tươi càng tốt, nhờ hoàng hậu nếu không tự mình nấu thì nhờ đám cung nữ nấu giùm, vì vua đang cần ăn một bữa cơm gà ngon lành.

Nhưng cả Samavati và 500 cung nữ đều là bậc Thánh Tu-đà-hoàn hết, các vị thương con gà làm sao mà cắt cổ được. Thế là bà từ chối, bà nói không được. Cái nghiệp nó khiến như vậy, gặp mình thì mình không dám giết nhưng mình có thể ra chợ mua đồ làm sẵn về nấu, nhưng Samavati hiền quá. Nàng không nhớ lời của Khổng Tử: "Lòng hại người không nên có, nhưng lòng đề phòng thì chẳng nên không". Nàng không biết điều đó nên từ chối thẳng thừng luôn. Lúc đó, Magandiya mới nói với vua để phá nhà cạy cửa rồi đổ thừa cho Samavati. Chuyện dài nhưng vua cũng bỏ qua. Cứ chỗ nào bị phá, chỗ nào bị hỏng là vua cho người sửa lại, mặc dù nàng đổ thừa cho Samavati.

Cuối cùng, nàng mới ra đòn độc là lấy con rắn độc bỏ vào trong cái đàn vua hay chơi. Bữa đó vua cầm cái đàn, con rắn rớt ra. Nàng mới trợn mắt nói: "Làm sao có rắn trong đây được? Phải có người muốn giết bệ hạ nên mới bỏ vào đó". Vua không chịu nổi nữa, kêu người tới bắt nàng giết. Vua giương cây cung lên, giận quá. Lúc đó, Samavati đọc câu chú từ tâm, khiến vua toàn thân cứng đờ, không nhúc nhích được,

tay không làm gì được. Lúc đó nàng mới nói: "Bệ hạ hãy hướng mũi tên xuống đất đi thì mọi sự sẽ bình yên". Khi đó vua mới hiểu nàng là người chân chánh tu hành, không có ý bậy, là người có công phu tu hành đàng hoàng chứ không phải hạng tào lao.

Nói về nàng Magandiya, khi giận quá mất khôn, thấy làm hết cách rồi mà không giết được người ta, nàng mới bàn mưu kêu người tới. Nhân lúc hoàng hậu Samavati và 500 cung nữ đang ở trên lầu, nàng cho người khóa cửa bên ngoài, chốt cửa lại rồi bắt đầu phóng hỏa đốt. Coi như cả 501 người bị chết trong trận hỏa tai đó. Họ mở cửa ra không được vì bị khóa rồi. Lúc đó, bà Samavati vẫn nói rằng: "Ta đã từng dùng từ tâm để khiến cho vua không bắn tên được, sức mạnh từ tâm của ta rất lớn. Thôi các em, các cô cung nữ, chúng ta phải ngồi xuống. Mình đều tu đàng hoàng hết nên không có ngán gì, nếu có mệnh hệ gì mình cũng có chỗ đi về đàng hoàng. Nhưng trước mắt chúng ta có từ tâm, tất cả đều ngồi xuống rải từ tâm thì lửa nó sẽ tắt".

Nhưng trong kinh nói rõ, bởi vì cái nghiệp xấu quá khứ đã đến lúc trổ rồi, cho nên 501 vị sơ quả Tu-đà-hoàn hết lòng nhập vào định, gọi là định Đại bi. Có ba loại định có thể giữ mạng người, nhớ nhé, chỉ có ba thứ thôi: một là nhập định bằng đề mục...

Có ba loại định có thể giữ mạng người nhập định. Một là nhập định bằng đề mục Vô lượng tâm (Tủ, Bi, Hỷ, Xả). Hai là Diệt Thọ tướng định. Ba là Thiền quả, có nghĩa là vị thánh nhân lúc này chỉ có một thứ tâm thánh quả, không có thứ tâm nào khác. Đây là ba loại đại định giữ mạng người nhập định.

Vị thánh muốn nhập loại định thứ hai này phải đạt tối thiểu từ Tam quả A-na-hàm trở lên, cộng với trình độ thiền quán. Vị đó sẽ có một lời nguyện là kể từ bây giờ, trong vòng một phút, hai phút, một ngày hay bảy ngày, ta sẽ không có tâm thức. Lúc đó, thân xác hoàn toàn như một cái xác chết, không còn nghĩ ngợi, không còn chuyện gì để làm trong suốt thời gian nhập định.

Đức Thế Tôn từng nhập Diệt tận định này trong một phút. Bởi vì theo trí tuệ của chư Phật, trước khi nhập Niết-bàn, các Ngài phải nhập lại tất cả các loại định đã chứng: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền sắc giới, bốn tầng thiền vô sắc giới là tám, rồi Diệt Thọ tướng định và Thiền quả là mười. Các vị phải nhập liên tục hai triệu bốn trăm ngàn lần như vậy.

Trở lại ba loại định này: nhập định bằng đề mục Vô lượng tâm và nhập định bằng tâm Thánh quả. Một vị thánh muốn nghỉ ngơi rốt ráo thì nhập Diệt tận định, nhưng điều này yêu cầu từ Tam quả trở lên và phải có trình độ Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Còn Thiền quả thì vị thánh nào cũng nhập được. Khi nào thấy mệt mỏi, muốn nghỉ ngơi bằng Thiền quả, vị đó sẽ ngồi theo dõi hơi thở hoặc theo dõi một cảm giác thân thọ như ngứa, nức, mỏi, tê trong bốn niệm xứ. Sau khi theo dõi, vị đó thấy đây là danh, đây là sắc, là vô ngã, rồi nguyện: "Từ bây giờ ta sẽ sống bằng tâm quả". Nếu vị đó đắc quả vị nào cao nhất, ví dụ như Tu-đà-hoàn hay A-la-hán, thì sau khi quan sát danh sắc vài giây, tất cả các thứ tâm khác lập tức biến mất, chỉ nhường chỗ cho một thứ tâm duy nhất là tâm Thánh quả mà mình đã đắc.

Hoàng hậu cùng với 500 cô hầu ngồi xuống xếp bằng an trú trong định. Nhưng trong chú giải có ghi, đây gọi là chướng nghiệp. Vì chướng nghiệp nên không thể nhập định. Tâm hướng đến đề mục Từ bi nhưng không vào định được, tâm cứ rời rạc như một năm trâu. Nghiệp kể theo chức năng có bốn loại là: Sanh, Trì, Chướng và Đoạn.

Sanh nghiệp là nghiệp tạo ra cái chưa có. Thứ hai là Trì nghiệp (Upathambhaka kamma), tức là nghiệp hỗ trợ nuôi lớn cái đã có. Vì có sanh nghiệp cho nên mới có bào thai, mới có đứa bé. Còn Trì nghiệp là gì? Tức là nhờ có cái nghiệp riêng của đứa bé đó mà dù bị mẹ liệng ở đâu nó cũng không chết, cho uống nước cơm mà nó vẫn lớn phổng phao như uống sữa bột của Thụy Sĩ. Sanh nghiệp là tạo ra cái chưa có, còn Trì nghiệp là hỗ trợ cho cái đã có được lớn mạnh.

Ví dụ như mình bị ung thư, lẽ ra mình đã lăn đùng ra chết rồi, nhưng nó cứ kéo cù cưa do nghiệp thiện hoặc nghiệp ác kéo. Nghiệp thiện kéo để mình đừng chết sớm,

hoặc nghiệp ác kéo là để mình kéo dài thời gian chịu khổ. Đó gọi là Trì nghiệp, nghĩa là nó kéo dài, duy trì, hỗ trợ cho cái đã có. Cho nên đừng thắc mắc tại sao người này bị ung thư mà lết được hai năm, còn người kia từ lúc phát hiện đến lúc chết chỉ có ba tuần. Cái đó chưa biết là hên hay xui, vì sớm muộn gì cũng chết. Đi sớm cho rảnh nợ, chứ còn cù cưa hai năm, đau đớn vô cùng mà sống làm gì. Đó cũng là một dạng Trì nghiệp, nó hỗ trợ cho mình sống thêm, mà cũng có thể là nghiệp bất thiện hỗ trợ cho mình thêm thời gian chịu khổ.

Thứ ba là Chướng nghiệp, nghĩa là loại nghiệp gây trở ngại cho cái đã có. Thứ tư là Đoạn nghiệp, nghĩa là nghiệp có chức năng kết thúc cái đang có. Ví dụ, tự nhiên tôi đang làm hoa hậu, hoàng đế, trụ trì hay một vị thiền sư nổi tiếng, rồi do Đoạn nghiệp mà dùng một phát là chết liền. Hoặc do phước nhiều quá, hoàn cảnh sống hiện tại không còn xứng đáng nữa, nên nó xén ngang cái nghiệp đó để mình chết và sanh vào chỗ tốt hơn. Thí dụ như loài ngựa quý, địa ngục khi hết nghiệp chịu khổ mà nhận được phước hồi hướng thì phải chết ngay lúc đó để đi lên. Đó là Đoạn nghiệp.

Nhưng đôi khi Chướng nghiệp là nghiệp bất thiện, nó gây trở ngại. Lẽ ra mình được học hành đỗ đạt, có nhan sắc, thông minh, giàu có thì rất tốt. Tự nhiên đang đẹp đẽ, được đại gia làm quen rồi bị tạt axit. Đang là người đẹp nhất vùng, học hành giỏi giang, tự nhiên bị đánh ghen đến mức nhìn không ra. Hoặc tự nhiên bị bạo bệnh làm bỏ dở học hành, chuyện hẹn hò cũng bỏ luôn để đi chữa trị, đầu tóc rụng hết, da dẻ thay đổi. Nói chung, cái đang có không được phát triển tốt đẹp thì gọi là Chướng nghiệp. Như vậy tổng cộng có bốn loại nghiệp: Sanh, Trì, Chướng, Đoạn. Trong trường hợp này, nó vừa là Chướng nghiệp mà vừa là Đoạn nghiệp.

Ở trong đây nói trường hợp này vừa là chướng đoạn, vừa là chướng nghiệp. Vì đoạn nghiệp mà nàng phải chết, vì chướng nghiệp nên không thể nhập định. Sẵn ở đây, chúng ta nhớ luôn chữ chướng ngại có ba loại. Chúng ta cứ nghe nói mà không biết, bây giờ sẵn học luôn.

Có ba chương: một là nghiệp chương. Phật tử Việt Nam hay nói nghiệp chương mà không hiểu. Nghiệp chương có nghĩa là một ác nghiệp nghiêm trọng nào đó khiến thân tâm ta bị ảnh hưởng ghê gớm. Thí dụ như mình đang khỏe mạnh mà vì tạo một nghiệp nào đó quá sức nên bị trọng bệnh. Các vị xem thêm trong chú giải Pháp Cú nói rằng người vu cáo hay phỉ báng bậc khả kính sẽ bị mười đại họa như: tai nạn, chết bất đắc kỳ tử, bị sa đọa, bị tai tiếng, vướng vào pháp luật hoặc bị trọng bệnh.

Nhớ nhé, mình thù ghét người ta thì hãy nhớ câu này: khi thân nhau thì kể hết bí mật cho nhau nghe, tới lúc hết thân thì khai quật bí mật của nhau. Khi mình giận, mình ghen gì đi nữa, cũng đừng ra tay. Mình không biết họ là hạng người nào. Trong mắt mình họ có thể không ra gì, nhưng tốt nhất đừng đụng vào ai. Bởi vì một con chó cũng có thể là vị Bồ Tát, huống chi là một con người. Cho nên giận thì ráng quên được thì quên, chứ đừng để lỡ nhằm ngay người có đức thì đời này ngóc đầu không lên.

Trong chú giải Pháp Cú có nói: người vu cáo, phỉ báng các bậc khả kính thường bị mười đại họa như tai nạn, bất đắc kỳ tử, chết bị đọa, còn sống thì bị tai tiếng, dây dưa pháp luật hoặc bị trọng bệnh. Đó gọi là nghiệp chương. Khi mình đã gây ra một ác nghiệp lớn nào đó thì thân tâm sẽ bị ảnh hưởng. Thân bị tai nạn, bị chết, bị trọng bệnh; còn tâm bị tai nạn là không thể học hành, không thể tu tập, không thể đắc chứng.

Thứ hai là quả chương. Quả chương là do nghiệp xưa mà nay phải đầu thai bằng tâm xấu, có thân tâm dưới tiêu chuẩn bình thường. Nghiệp chương là chuyện kiếp này, còn quả chương là chuyện từ kiếp trước. Nghiệp chương là ngay bây giờ mình làm chuyện như giết cha, giết mẹ, đốt chùa, giết tăng, phỉ báng Tam Bảo, phỉ báng người ơn, phỉ báng người đáng kính. Còn quả chương là do nghiệp đời trước nên kiếp này sanh ra với tâm thức và thân tâm có vấn đề, không giống ai.

Thứ ba là phiền não chương. Có thể mình không bị hai cái trước, nhưng lại bị cái thứ ba này. Khi một loại phiền não nào đó mãnh liệt quá thì ta cũng không làm gì được.

Tôi cũng không giống ai. Cái số ba là phiền não chướng. Có thể tôi không bị hai cái trước, nhưng tôi bị phiền não chướng quá nặng. Tham tiền, háo sắc quá nặng, hay tính tôi nóng nảy quá nhiều, cho nên tôi không học hành gì được. Trường hợp này được gọi là phiền não chướng. Trường hợp này tôi nhớ không lầm hình như tôi gặp nhiều.

Tôi thấy nhiều người đang rất dễ thương, mà chỉ vì tính ganh tị là bao nhiêu cái dễ thương, bao nhiêu trí tuệ, bao nhiêu đức tin đều đội nón ra đi hết. Họ chỉ lo ganh tị, ghen ghét người khác thôi. Có người có tâm bòn xén nặng quá, đang vui vẻ mà chỉ cần phát hiện ra mình bị tổn kém một cái là coi như tâm quý cũng vứt xó, giấc ngộ cũng mất sạch chỉ vì lý do tổn tiền.

Ví dụ như bây giờ nguyên một đoàn đi hành hương, đi cúng thập tự. Đạo tâm họ lúc đầu tràn trề lắm, nói đạo nghe sướng lắm. Nhưng tới lúc tính tiền thuê xe, tiền khách sạn, họ thấy hình như phần của họ phải trả hơi nhiều so với người khác. Họ vốn dĩ rất keo. Chỉ vì cái tính keo đó mà họ có thể mắng nhiếc, đào mồ cuốc mả họ hàng hăng hốc đối phương, không chừa một cái gì hết. Tôi đang lựa một cái phiền não nhẹ nhất là phiền não bòn xén đó. Còn háo sắc, ham tiền, tham ăn, háo danh, tham quyền, tất cả những cái đó đều là phiền não chướng.

Tôi ví dụ "nàng" thì người ta sẽ hỏi tại sao không phải là "chàng", mà hể tôi nói "chàng" thì người ta lại hỏi tại sao không phải là "nàng". Khổ như vậy đó. Đó là lý do tại sao tôi nghĩ chắc mình làm người đồng tính cho yên tâm. Chứ nói cái gì ra người ta cũng bảo mình phân biệt. Mình nói đường nào cũng dính.

Như vậy là tôi vừa giảng xong bốn nghiệp và ba loại chướng. Mai mốt mở miệng ra nói "nghiệp chướng" thì phải biết nó có tới ba loại chướng. Một là nghiệp chướng, nghĩa là đời này làm một tội ác kinh hoàng khủng khiếp nào đó, từ đó ảnh hưởng đến thân và tâm của mình. Còn quả chướng là do một nghiệp xấu đời trước, nên đời này ta phải tái sanh bằng cái tâm không tốt. Ví dụ như làm con chó, con heo với cái tâm đầu thai ly trí thì đừng hòng đắc đạo, đắc thiền. Hoặc vì quả chướng mà đời này sinh

ra bị dị dạng, bị trọng bệnh. Còn phiền não chướng như đã giải thích, là một thứ phiền não đột nhiên quá mãnh liệt thì mình cũng không tu hành gì được. Nguyên nhóm bà Samavati này vì cái chướng nghiệp mà không nhập định được, tâm của họ hoảng hốt mất trí.

Nó giống như một ông chủ thuê mười mấy người làm công làm bánh mì. Ông sợ người ta lấy đồ của tiệm nên làm xong là ông nhốt nhân công ngủ ở đó, bên ngoài khóa cổng, chung quanh rào kín. Rồi quý vị biết không, đêm đó điện chập nên nó cháy. Những người khách bên đường nhìn thấy mười mấy người nhân công trong tiệm bánh mì đó quỳ lạy bên trong nhà xin cứu, nhưng quý vị biết rào sắt với lưới...

Có một vụ cháy, mười mấy người ở bên trong nhà quỳ lạy xin cứu, nhưng quý vị biết lưới thép B40 làm sao mà cắt được. Ở trên lầu làm sao mà cắt, bắc thang lên mà ở Việt Nam dây điện chẳng chịt, bắc không khéo nó giật cho đi châu tiên tổ luôn. Cho nên ở dưới người ta chỉ nhìn thôi, còn trên là mười mấy người đứng quỳ lạy nhờ cứu giùm nhưng không được. Cửa thì ông chủ khóa, tới lúc ông chủ hay được, ông tới là coi như mười mấy cái xác đã cháy đen. Ông chủ sau đó bị điên luôn quý vị, và cái ngôi nhà đó trở thành một địa chỉ rùng rợn ở Đà Nẵng. Mười mấy người chết thiêu trong sự sợ hãi và oán hờn, căm hận.

Có những cái chết thương tâm như vậy. 500 người này chết một cách thê thảm nhưng đều là Thánh hết, cho nên chết rồi dĩ nhiên là về trời. Tại sao lại như vậy? Là vì nhiều kiếp trước, nàng Samavati cũng là một vị vương phi cùng với 500 cô cung nữ đi hái hoa bắt bướm ở bờ sông. Vương phi cùng 500 cung nữ hái hoa bắt bướm cho đã rồi thấy nực nên kéo nhau đi tắm. Tắm xong lên thấy lạnh quá mới đốt củ khô để hơi ấm. Củ chất đống ở đó nhưng nó cháy lan sao mà cháy luôn cái bụi rậm kế bên. Người châu Á mình không giống người châu Mỹ, đốt kiểu đó là người ta bỏ tù luôn, còn đằng này mình cứ thấy được là châm lửa đốt.

Khi cháy rụi bụi rậm mới lộ ra một vị Phật Độc Giác đang ngồi nhập định bên trong. Mình mấy Ngài tro than đầy hết, nhưng trong kinh nói lúc đó Ngài đang nhập định

nên giống như một xác chết, mình mẩy đen thui. Mấy cô này thấy mặt thì biết Ngài là vị mà mỗi bữa vua thường thỉnh vào cung cúng dường. Nhìn mặt là biết, nhưng Ngài sống hay chết thì họ không biết. Họ nghĩ rằng bây giờ không biết Ngài sống hay chết, nhưng nếu để Ngài còn sống, ngày mai Ngài vào cung nói lại là mình chết chắc. Cho nên lần đầu tiên là do sợ ý, nhưng khi phát hiện ra Ngài rồi thì cả chủ lẫn tớ bàn nhau hành động cố sát.

Vị Độc Giác không chết vì đồng lửa đó, nhưng do lòng cố sát nên quý vị biết không, họ phải đọa địa ngục vô số kiếp. Đến lúc trở lên làm người, cứ quẩn quanh là bị chết cháy, chết thiêu suốt nhiều kiếp như vậy. Đến kiếp gặp Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nàng Samavati trở thành hoàng hậu và là Đệ nhất tín nữ về từ tâm. Người ta lấp tên vào cung bắn nàng mà mũi tên không nhúc nhích, có nghĩa là từ tâm của nàng đạt tới mức độ rất cao. Nhưng không ngờ tới giờ cuối, khi nghiệp ác trổ thì đại định từ tâm cũng không ngăn nổi. Phút giây này rất là quan trọng. Cho nên dù sao Đức Phật cũng vẫn công nhận nàng là Đệ nhất tín nữ về từ tâm. Có cái trớ trêu là người mà...

Dù sao đi nữa, Đức Phật vẫn phải nhìn nhận nàng là đệ nhất tín nữ về từ tâm. Có một điều trớ trêu là người đang nhập định từ tâm thì không thể chết vì thuốc độc, vũ khí hay dao nhọn, nhưng lúc đó nàng không nhập định được nên nàng phải chết.

Tiếp theo là câu chuyện về nàng Uttara. Có một người làm công tên là Punna. Một hôm, khi đang đi cày thuê cho chủ, vợ chồng ông gặp Ngài Xá Lợi Phất lúc Ngài mới vừa xả định Diệt Thọ Tướng. Họ cúng dường cho Ngài và nhận được quả báo nhân tiền là những thớ đất mỏ cày lật lên đều biến thành vàng hết.

Vua nghe như vậy liền cho người đến tịch thu. Nhưng hễ người của vua xách cuốc xách xẻng xắn xuống thì vàng trở lại thành đất, chỉ riêng hai vợ chồng này chạm tay xuống lấy thì vàng mới là vàng. Lúc đó vua mới biết đây là phước của họ. Vua hỏi họ đã làm công đức gì mà được như vậy, ông Punna thưa rằng mình mới cúng cơm cho Ngài Xá Lợi Phất, còn chuyện gì xảy ra sau đó thì ông không biết.

Vua bảo: Kể từ đây về sau, với số vàng này, Trẫm sẽ đem về. Các khanh cứ lấy tay mình mà lấy, vì người của Trẫm lấy không được, các khanh hãy lấy giúp Trẫm. Sau đó, số vàng được đưa về giữa thành phố. Vua bố cáo thiên hạ rằng với số tài sản như vậy, người làm công này đủ điều kiện để trở thành triệu phú.

Thời xưa ở Ấn Độ, theo trong kinh ghi lại, việc trở thành triệu phú hay tỷ phú là một loại chức vụ mang tính xã hội hơn là tài sản đơn thuần. Ví dụ, làm Bộ trưởng, Tế tướng, Tướng quân hay Nguyên soái là chức vụ của triều đình. Còn chức vụ mang tính dân sự xã hội, chẳng hạn như trong làng mình được dân chúng nể trọng, thương kính thì được gọi là nhà đại thiện tâm. Hoặc nếu giàu quá, vua sẽ xác nhận mình là triệu phú, tỷ phú. Ở Việt Nam mình, hễ có cái gì lạ là bên hội kỷ lục tới ghi nhận, như chùa có cái chuông bự nhất, bức tượng lộ thiên to nhất, hay cái đình, cái miếu lâu đời nhất. Đó là về mặt hành chính.

Ở đây cũng vậy, sau khi ông Punna giàu có, nhiều người tới xin làm thông gia. Ông có người con gái về sau trở thành một cư sĩ hộ trì Phật pháp. Nàng đã đắc quả Tu-đà-hoàn, đặc biệt là nàng chuyên về đề mục từ tâm, thường xuyên nhập định để hưởng thiền lạc hơn bất cứ tín nữ nào. Nàng được Đức Phật tuyên dương là đệ nhất thiền giả trong số những tín nữ đặc thiền, không ai bằng nàng trong việc an trú trong đó. Có một chuyện quan trọng tôi quên kể là khi cha của nàng...

Nhờ vậy đó mà, hồi này tôi có một chuyện quan trọng quên kể. Khi cha của nàng từ người làm công trở thành triệu phú, nhiều người tới mai mối. Cuối cùng, nàng lấy chồng, nhưng người chồng lại không biết Phật pháp gì hết. Nàng không có cơ hội để cúng dường đến Đức Phật và chư Tăng nên buồn lắm. Nàng mới về than với cha: "Cha giàu, con gái lấy đại gia nhưng không có dịp lễ Phật".

Khi ông này từ một người làm công, trong một ngày bỗng có số lượng vàng lớn như vậy, nhiều người tới xin cưới con gái ông. Ông từ chối vì thấy gấp quá, chưa kịp tìm hiểu tính tình ra sao mà gả. Khi ông từ chối, người ta mới nói ông đâu phải cao sang quyền quý gì, chỉ là một bước lên mây thôi mà bây giờ lại chảnh, để con gái như hũ

mắm treo đó không gả hay sao. Ông nói không phải, tại vì ông muốn tìm hiểu kỹ rồi mới gả. Ai ngờ con gái gả nhầm vào gia đình không có đức tin gì hết.

Cô con gái buồn quá mới than với cha. Ông bố bèn gửi cho con rể một số tiền lớn, bảo anh hãy tìm danh kỹ để vui chơi, để yên cho con gái mình có thời gian lo chuyện tâm linh. Ông giàu quá mà, ông gửi tiền cho con rể đi tìm những người đẹp, người mẫu, ca sĩ để anh ta thỏa mãn, còn con gái ông có thời gian tu tập. Chàng rể ôm tiền tìm đến một danh kỹ đẹp lộng lẫy tên là Sirima. Sirima nghĩa là may mắn, phước lộc, cát tường. Cô này đẹp lắm, muốn qua đêm với cô thì các bậc công hầu danh tướng phải mất một ngàn vàng mới gặp được một lần.

Chuyện đó rất quan trọng. Khi cô Sirima này được thuê về, cô thấy ông công tử kia dám công khai đem mình về nhà thì nghĩ chắc ông ta đã chán vợ rồi. Đàn ông mà dám đem người ngoài về nhà như vậy nghĩa là vị trí của bà vợ trong nhà rất tệ. Chính vì Sirima nghĩ như vậy nên cô coi thường nàng Uttara, thậm chí còn ra tay hành hung. Nhưng nàng Uttara trước sau luôn từ bi, hết mình nhẫn nhịn. Với tấm lòng đó, nàng dần dần cảm hóa được Sirima. Trong khi đó, kẻ hầu người hạ trong nhà luôn đứng về phía bà chủ. Họ biết Sirima chỉ là người được thuê về, còn bà chủ của họ là người công dung ngôn hạnh, chỉ vì nàng chán chuyện ái ân nên mới sắp xếp như vậy.

Cô thuê về, trong khi bà chủ của chúng tôi công dung ngôn hạnh như thế nào. Cổ chán chuyện ái ân bình thường nên nhường chỗ cho cô, mà bây giờ cô không biết điều, làm cho người ta bị thương. Cuối cùng thì cô dần dần được cảm hóa và trở thành phật tử, cúng dường Đức Phật và Chư tăng rất đàng hoàng.

Nhưng mà rồi nàng Sirima, đang cái lúc xôn xao ngoài ngõ, thiếu gì kẻ thăm người viếng, thì một ngày kia nàng lăn ra chết. Đức Phật nói với vua là bây giờ thông báo cho cả thành phố: cái xác của nàng bây giờ bán rẻ 10 đồng vàng, có ai lấy không? Không ai mua hết. Giảm xuống còn 8 đồng, 7, 6, 5, 4, 3, 2, 1 đồng, cũng không ai nhận hết.

Lúc đó mọi người mới xầm xì với nhau, cái xác để nguyên vậy, đẹp gì thì đẹp chứ bây giờ mà mua thì làm cái gì. Cho nên từ số tiền cao giảm xuống, cuối cùng cho không cũng không ai dám lấy. Mục đích của Đức Phật là Ngài dạy cho Chư tăng và phật tử. Ngài nói: "Thấy chưa, này các tỳ kheo, cô danh kỹ này ngày xưa muốn ở với nàng một tối thôi là nghìn vàng, bây giờ cho không cả cái xác đó đem về, muốn giữ bao lâu cũng được, toàn quyền sử dụng mà không ai màng hết."

Đúng rồi, nửa chừng xuân thoát gãy cành. Cái xác càng lúc càng hôi sinh, chảy nước. Có rất nhiều người nghe cái đó sẽ không đồng ý, hỏi tại sao Đức Thế Tôn lại quyết định như vậy. Đa phần dân cư ở trong thành phố Vương Xá là phật tử. Ở đây Đức Thế Tôn vì lòng từ bi, Ngài muốn cho chúng sinh nhân dịp này có một bài học lớn về kiếp nhân sinh, cho nên cần phải mượn cái xác cô này làm một bài tập cho Chư tăng và phật tử.

Cái xác càng lúc càng thối đến mức mà vua phải bạch với Đức Phật xin đi giải quyết vì nó thối quá rồi. Lúc đó Chư tăng đi bát nhìn thấy cũng ớn, mà phật tử đi ngang ai nhìn cũng ớn. Một cái xác người danh kỹ như vậy, cuối cùng kết thúc như vậy đó.

Cho nên bây giờ mình trở lại cô Uttara này, cố an trú từ tâm đối với kẻ tình địch như vậy. Đối với phụ nữ, tình địch có nghĩa là tử thù, cũng cỡ kẻ thù giết cha chứ không chơi. Vậy mà cô an trú từ tâm, cô sống trong thiền. Anh chồng không ra gì, cô bồ của chồng không ra gì, mà với hai kẻ không ra gì đó mà nàng lại có thể bình tâm thiền định, an trú trong đại bi, thì tôi hỏi có đáng tuyên dương hay không.

Xin hẹn quý vị ngày mai, câu chuyện ngày mai còn xuất sắc hơn chuyện bữa nay nữa. Ngày mai là ngày thứ Hai, rồi chúng tôi xin nghỉ ngày thứ Ba, thứ Tư và trở về ngày Chủ nhật để tiếp tục. Chúc các vị một ngày vui, một đêm an lành.